Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 10.06.2019 09:10:32 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1150 /UBND-KTTC	*Tây Ninh, ngày 07 tháng 6 năm 2019*
V/v báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020	

Kính gửi:
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Các Tổ chức Chính trị - Xã hội tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Tây Ninh;
- UBND các huyện, thành phố.

Thực hiện Kế hoạch số 819/KH-NKTXH ngày 25/4/2019 của Nhóm Kinh tế Xã hội - Quốc phòng, An ninh về việc chuẩn bị Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ XI của Nhóm Kinh tế Xã hội - Quốc phòng, An ninh, UBND tỉnh triển khai các nội dung chuẩn bị báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trình Đại hội XI Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025, như sau:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh dự thảo Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương *(chi tiết Phụ lục kèm theo)* báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 *(theo đề cương và phụ lục đính kèm).*

3. Tiến độ thực hiện

Các đơn vị gửi báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thông qua Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh, số 96, Phạm Tung, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, Email: vpdpntmtayninh@gmail.com) **trước ngày 01/9/2019.**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh cho ý kiến dự thảo (lần 1) **trước ngày 01/10/2019.** Hoàn thành dự thảo, trình UBND tỉnh **trước ngày 10/10/2019** để gửi Tổ biên tập dự thảo Báo cáo chính trị và dự thảo Nghị quyết Đại hội.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn chỉnh dự thảo (lần 2) sau khi lấy ý kiến thành viên Tiểu ban Văn kiện để trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy **trước ngày 10/11/2019.**

Tiếp thu ý kiến góp ý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn chỉnh dự thảo (lần 3) để trình xin ý kiến Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh **trước ngày 30/11/2019.**

Tiếp thu ý kiến của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT hoàn chỉnh dự thảo (lần 4) để gửi Nhóm tổng hợp chung thuộc Tiểu ban văn kiện **trước ngày 15/12/2019.**

Tiến độ năm 2020 thực hiện theo Kế hoạch số 819/KH-NKTXH và chỉ đạo của Trưởng tiểu ban văn kiện.

Đề nghị Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện theo đúng nội dung và đảm bảo tiến độ, chất lượng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP; KTTC;
- Lưu: VT VP ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

15KTTC_V NAM_CVUB

KT. **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Chiến

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1150 /UBND-KTTC	*Tây Ninh, ngày 07 tháng 6 năm 2019*
V/v báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020	

Kính gửi:
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Các Tổ chức Chính trị - Xã hội tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Tây Ninh;
- UBND các huyện, thành phố.

Thực hiện Kế hoạch số 819/KH-NKTXH ngày 25/4/2019 của Nhóm Kinh tế Xã hội - Quốc phòng, An ninh về việc chuẩn bị Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ XI của Nhóm Kinh tế Xã hội - Quốc phòng, An ninh, UBND tỉnh triển khai các nội dung chuẩn bị báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trình Đại hội XI Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025, như sau:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh dự thảo Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương *(chi tiết Phụ lục kèm theo)* báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 *(theo đề cương và phụ lục đính kèm).*

3. Tiến độ thực hiện

Các đơn vị gửi báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thông qua Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh, số 96, Phạm Tung, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, Email: vpdpntmtayninh@gmail.com) **trước ngày 01/9/2019.**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh cho ý kiến dự thảo (lần 1) **trước ngày 01/10/2019.** Hoàn thành dự thảo, trình UBND tỉnh **trước ngày 10/10/2019** để gửi Tổ biên tập dự thảo Báo cáo chính trị và dự thảo Nghị quyết Đại hội.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn chỉnh dự thảo (lần 2) sau khi lấy ý kiến thành viên Tiểu ban Văn kiện để trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy **trước ngày 10/11/2019.**

Tiếp thu ý kiến góp ý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn chỉnh dự thảo (lần 3) để trình xin ý kiến Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh **trước ngày 30/11/2019.**

Tiếp thu ý kiến của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT hoàn chỉnh dự thảo (lần 4) để gửi Nhóm tổng hợp chung thuộc Tiểu ban văn kiện **trước ngày 15/12/2019.**

Tiến độ năm 2020 thực hiện theo Kế hoạch số 819/KH-NKTXH và chỉ đạo của Trưởng tiểu ban văn kiện.

Đề nghị Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện theo đúng nội dung và đảm bảo tiến độ, chất lượng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP; KTTC;
- Lưu: VT VP ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

15KTTC_V NAM_CVUB

KT. **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Chiến

Phụ lục I

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Kèm theo Công văn số 1156 /UBND-KTTC ngày 07 /6/2019 của UBND tỉnh)

1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
2. Ban Dân vận Tỉnh ủy
3. Sở Tài chính
4. Sở Kế hoạch và Đầu tư
5. Sở Y tế
6. Sở Xây dựng
7. Sở Tài nguyên và Môi trường
8. Sở Công thương
9. Sở Giao thông Vận tải
10. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
11. Sở Thông tin và Truyền thông
12. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
13. Sở Giáo dục và Đào tạo
14. Sở Nội vụ
15. Sở Tư pháp
16. Sở Khoa học và Công nghệ
17. Công an tỉnh
18. Bộ CHQS tỉnh
19. Cục Thống kê tỉnh
20. Liên minh HTX tỉnh
21. UBMTTQ Việt Nam tỉnh
22. Tỉnh Đoàn
23. Hội Nông dân tỉnh
24. Liên đoàn Lao động tỉnh
25. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
26. Hội Cựu chiến binh tỉnh
27. Hội Người cao tuổi tỉnh
28. Liên hiệp các hội KH-KT tỉnh
29. Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh
30. Hội Chữ thập đỏ tỉnh

31. Đài PT-TH Tây Ninh
32. Báo Tây Ninh
33. UBND Thành phố Tây Ninh
34. UBND huyện Tân Biên
35. UBND huyện Tân Châu
36. UBND huyện Dương Minh Châu
37. UBND huyện Châu Thành
38. UBND huyện Hoà Thành
39. UBND huyện Gò Dầu
40. UBND huyện Bến Cầu
41. UBND huyện Trảng Bàng

Phụ lục II

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Kèm theo Công văn số 1156/UBND-KTT ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh)

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thuận lợi

2. Khó khăn

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Vai trò chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành của các cấp, các ngành trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 *(Các Sở, ngành, tổ chức chính trị-xã hội, UBND các huyện, thành phố báo cáo)*

Công tác quán triệt, triển khai các văn bản (của Trung ương, của Địa phương) thực hiện Chương trình của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, địa phương các cấp.

2. Hoàn thiện hệ thống pháp lý và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình *(Các Sở, ngành, tổ chức chính trị-xã hội, UBND các huyện, thành phố báo cáo)*

Trong đó, tập trung đánh giá và nêu bật kết quả xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách khắc phục những hạn chế, bất cập của giai đoạn trước để thực hiện hiệu quả Chương trình giai đoạn 2016 - 2020, cụ thể:

- Ban hành, cụ thể hóa Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã; hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới và các nội dung của Chương trình; xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; gắn với tái cơ cấu; cơ chế phân bổ vốn; cơ chế đầu tư đặc thù; phát huy sự tham gia của cộng đồng và tổ chức chính trị - xã hội...

- Những vấn đề mới: Nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; mô hình bảo vệ môi trường, đề án nông thôn mới vùng đặc thù, Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

- Làm rõ những cơ chế, chính sách có tính chất đột phá nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của Chương trình.

- Những khó khăn, vướng mắc cần phải khắc phục trong quá trình triển khai thực hiện.

(chi tiết Phụ lục II kèm theo)

3. Xây dựng đồng bộ hệ thống bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình *(Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thành phố báo cáo)*

a) Mô hình tổ chức hệ thống chỉ đạo Chương trình các cấp (tỉnh, huyện, xã, ấp):

Mô hình tổ chức, phân công nhiệm vụ, đánh giá kết quả chỉ đạo của các cấp...

b) Kết quả kiện toàn bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp theo Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp

c) Đánh giá chung về những thuận lợi, hạn chế liên quan đến bộ máy chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình, trong đó làm rõ những thay đổi so với giai đoạn 2011 - 2015; vai trò điều phối của Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp, sự phối hợp giữa các ngành, các cấp, các chương trình, dự án trên địa bàn phục vụ xây dựng nông thôn mới. Các nguyên nhân chủ yếu; đề xuất giải pháp cụ thể, nhằm khắc phục những hạn chế để nâng cao hiệu quả hoạt động bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình tại địa phương trong thời gian tới.

4. Nâng cao năng lực cán bộ thực hiện công tác xây dựng nông thôn mới ở các cấp, các ngành *(Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở, ngành phụ trách tiêu chí nông thôn mới, UBND các huyện, thành phố báo cáo)*

a) Kết quả về tổ chức đào tạo, tập huấn cán bộ thực hiện Chương trình.

Kết quả về xây dựng tài liệu (nếu có), tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ thực hiện Chương trình NTM ở các cấp (nêu rõ: số lớp, số lượng người tham gia, kinh phí thực hiện).

b) Đánh giá hiệu quả công tác đào tạo; những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện và kiến nghị giải pháp thực hiện trong giai đoạn tới.

5. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về xây dựng nông thôn mới *(Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, các Sở, ngành, tổ chức chính trị-xã hội, UBND các huyện, thành phố báo cáo)*

a) Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân để phát huy vai trò trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn.

b) Kết quả triển khai thực hiện Phong trào thi đua "Tây Ninh chung sức xây dựng nông thôn mới"; cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh "...

c) Đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đối với việc triển khai thực hiện Chương trình, trong đó nêu rõ những kinh nghiệm hay, cách làm sáng tạo đã góp phần nâng cao chất lượng truyền thông về xây dựng nông thôn mới của địa phương.

d) Những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân cần khắc phục.

6. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - thời điểm báo cáo *(Các Sở, ngành, tổ chức chính trị-xã hội, UBND các huyện, thành phố báo cáo)*

Kết quả huy động các nguồn lực (có so sánh với giai đoạn 2011-2015), gồm: *(1)* Vốn ngân sách các cấp (đầu tư trực tiếp, lồng ghép với các chương trình, dự án khác), *(2)* vốn tín dụng (nguồn vốn giải ngân của các tổ chức tín dụng liên quan đến tiêu chí, nội dung xây dựng nông thôn mới), *(3)* vốn huy động doanh nghiệp, *(4)* vốn huy động cộng đồng dân cư bằng các hình thức (tiền, ngày công, tài sản,...)

(chi tiết Phụ lục III kèm theo)

7. Đánh giá kết quả thực hiện Phong trào thi đua "Tây Ninh chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2010 - 2020 và đánh giá hiệu quả của Phong trào thi đua đối với sự nghiệp xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh *(Các Sở, ngành, tổ chức chính trị-xã hội, UBND các huyện, thành phố báo cáo)*

a) Công tác triển khai thực hiện phong trào (chỉ đạo, phát động phong trào; tuyên truyền)

b) Kết quả đạt được (hưởng ứng thực hiện phong trào; cách làm hay, sáng tạo, huy động nguồn lực xã hội hoá, phát huy sáng kiến, đề xuất chính sách xây dựng nông thôn mới phù hợp từng địa phương; phong trào xây dựng nông thôn mới gắn với đẩy mạnh học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; công tác kiểm tra, giám sát, sơ tổng kết, khen thưởng, động viên phong trào)

c) Đánh giá chung (kết quả đạt được; hạn chế, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm)

d) Đề xuất, kiến nghị

8. Nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình *(Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thành phố báo cáo; Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cụ thể nội dung, biểu mẫu báo cáo)*

a) Kết quả xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản

b) Số nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh mới

c) Nguyên nhân, giải pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản

9. Kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình *(Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành phụ trách tiêu chí, UBND các huyện, thành phố báo cáo)*

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nội dung thành phần của Chương trình (theo các Quyết định số: 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; 1392/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch

thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020)

Kết quả chung tính đến thời điểm báo cáo; có so sánh với xuất phát điểm năm 2010, kết thúc giai đoạn 1 (năm 2015) và đánh giá khả năng hoàn thành đến năm 2020.

a) Quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới (tiêu chí 1) *(Sở Xây dựng, UBND các huyện, thành phố báo cáo)*

b) Phát triển hạ tầng thiết yếu kinh tế - xã hội nông thôn (tiêu chí 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9) *(các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Giao thông vận tải, Công thương, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Xây dựng, UBND các huyện, thành phố báo cáo)*

c) Phát triển sản xuất gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân (tiêu chí 10, 12, 13) *(Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ, Cục Thống kê tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, UBND các huyện, thành phố báo cáo)*

d) Giảm nghèo, an sinh xã hội (tiêu chí 11) *(Sở Lao động - Thương binh và xã hội, UBND các huyện, thành phố báo cáo)*

đ) Phát triển giáo dục và đào tạo ở nông thôn (tiêu chí 14) *(Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và xã hội, UBND các huyện, thành phố báo cáo)*

e) Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (tiêu chí 15) *(Sở Y tế, UBND các huyện, thành phố báo cáo)*

g) Nâng cao chất lượng, đời sống văn hóa của người dân nông thôn (tiêu chí 16) *(Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND các huyện, thành phố báo cáo)*

h) Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề (tiêu chí 17) *(Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND các huyện thành phố báo cáo)*

i) Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện, nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân (tiêu chí 18) *(Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, tổ chức chính trị-xã hội, UBND các huyện, thành phố báo cáo)*

k) Giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội nông thôn (tiêu chí 19) *(Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, UBND các huyện, thành phố báo cáo)*

(chi tiết Phụ lục III kèm theo)

2. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí xã, huyện nông thôn mới *(Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành phụ trách tiêu chí, UBND các huyện, thành phố báo cáo)*

Đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí theo Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020).

Kết quả đạt được đến thời điểm báo cáo, có so sánh với thời điểm bắt đầu thực hiện (tháng 01 năm 2011) và kết thúc giai đoạn 1 (tháng 12 năm 2015). Những thuận lợi, khó khăn và hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện các tiêu chí.

- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

- Số tiêu chí bình quân/xã; Số xã dưới 10 tiêu chí.

- Một số chỉ tiêu cơ bản trong xây dựng nông thôn mới: thu nhập bình quân đầu người; tỷ lệ hộ nghèo; tỷ lệ lao động qua đào tạo; tỷ lệ người dân tham gia BHYT; tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia.

Kết quả thực hiện một số tiêu chí nâng cao của Chương trình NTM:

- Số xã đăng ký và đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu;

- Số khu dân cư NTM kiểu mẫu…

Riêng UBND huyện Hòa Thành báo cáo kết quả thực hiện Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng chính phủ.

(chi tiết Phụ lục IV, V kèm theo)

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG *(Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, các Sở, ngành, tổ chức chính trị-xã hội, UBND các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, địa phương báo cáo)*

Đánh giá toàn diện kết quả thực hiện và tác động của Chương trình, trong đó tập trung đánh giá những mặt được, chưa được, nguyên nhân (khách quan, chủ quan), trong đó chú trọng vào những nội dung:

- Đánh giá hoạt động quản lý, điều hành và tổ chức, bộ máy tham mưu chỉ đạo, thực hiện Chương trình; công tác điều phối, phối hợp và trách nhiệm của các cơ quan, địa phương liên quan trong quá trình quản lý, điều hành tổ chức triển khai Chương trình.

- Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của Chương trình, làm rõ những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai, thực hiện.

- Đánh giá những kết quả nổi bật (về cơ chế chính sách, công tác chỉ đạo điều hành ở các cấp, huy động nguồn lực, sự hài lòng của người dân...), nhất là những điểm mới, những nội dung có tính chất đột phá nhằm nâng cao chất lượng, đi vào chiều sâu của Chương trình...

- Đánh giá kết quả phát động các Phong trào thi đua trong phát huy dân chủ, huy động nguồn lực và kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện ở cơ sở.

- Đánh giá tác động của Chương trình gồm: Tác động kinh tế - xã hội; tính bền vững, tác động tới các đối tượng thụ hưởng, tác động lan tỏa của Chương trình....

V. BÀI HỌC KINH NGHIỆM *(Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Các Sở, ngành, tổ chức chính trị-xã hội, UBND các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, địa phương báo cáo)*

Những bài học kinh nghiệm được rút ra qua quá trình thực hiện Chương trình, những đề xuất khuyến nghị cần thiết để duy trì kết quả đạt được của Chương trình:

- Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị;

- Sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương;

- Tổ chức thực hiện, nhất là cơ chế chính sách, quản lý đầu tư, kiểm tra giám sát, huy động nguồn lực thực hiện Chương trình.

Phần thứ hai
ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. QUAN ĐIỂM *(Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo)*

Căn cứ kết quả đạt được, yêu cầu thúc đẩy xây dựng nông thôn mới sau năm 2020, đồng thời tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt đảm bảo thực sự nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp bền vững, thịnh vượng, nông dân giàu có, nông thôn văn minh.

II. MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025 (*Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành phụ trách tiêu chí, UBND các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ đề xuất)*

1. Mục tiêu tổng quát

2. Các chỉ tiêu cụ thể

Chỉ tiêu về xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới; xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

Các chỉ tiêu tác động trực tiếp đến đời sống sản xuất và sinh hoạt của người dân: Thu nhập bình quân đầu người/năm khu vực nông thôn; tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế, tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch,....

Số xã đạt chuẩn của từng tiêu chí đến năm 2025.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN *(Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Các Sở, ngành, tổ chức chính trị-*

xã hội, UBND các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, địa phương đề xuất)

1. Phát động phong trào thi đua để huy động các nguồn lực, người dân tham gia thực hiện Chương trình.

2. Tập trung đề xuất nội dung, giải pháp thực hiện, đặc biệt là những nội dung, giải pháp để tiếp tục nâng cao chất lượng, đảm bảo tính bền vững của Chương trình.

Quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới

Phát triển hạ tầng thiết yếu kinh tế - xã hội nông thôn

Phát triển sản xuất gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân.

Giảm nghèo, an sinh xã hội.

Phát triển giáo dục và đào tạo ở nông thôn

Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn.

Nâng cao chất lượng, đời sống văn hóa của người dân nông thôn.

Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề.

Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện, nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người.

Giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội nông thôn.

3. Xây dựng mô hình nông thôn mới kiểu mẫu (về sản xuất, về văn hóa, về du lịch, về giáo dục, về môi trường, về an ninh trật tự,...)

4. Cơ chế chính sách huy động nguồn lực.

5. Đề xuất phương hướng kiện toàn bộ máy, tổ chức tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo và triển khai thực hiện Chương trình giai đoạn sau năm 2020 theo hướng chuyên nghiệp, đồng bộ và hiệu quả.

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 (*Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các Sở, ngành phụ trách tiêu chí, UBND các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ đề xuất)*

1. Dự kiến tổng nhu cầu vốn để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình giai đoạn 2021 - 2025, bao gồm: Ngân sách nhà nước (Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ trực tiếp; khả năng đối ứng của ngân sách địa phương theo

quy định); vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác; vốn tín dụng; vốn doanh nghiệp; vốn huy động từ người dân và cộng đồng.

2. Dự kiến khả năng huy động các nguồn lực.

V. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

1. Đối với Trung ương

2. Đối với Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh

Đề xuất làm rõ, kiến nghị cụ thể với Trung ương, tỉnh... nhằm kịp thời xử lý những vấn đề cấp thiết, góp phần nâng cao hiệu quả và tiến độ thực hiện Chương trình; định hướng thực hiện Chương trình trong giai đoạn tiếp theo (2021 - 2025)./.

Phụ lục II

VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH DO ĐỊA PHƯƠNG BAN HÀNH GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Công văn số 1156 /UBND-KTTC ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh)

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành, trích yếu văn bản	Nội dung chủ yếu	Ghi chú

Ghi chú: Các văn bản của tỉnh, huyện để cụ thể hóa các văn bản quy định, triển khai, hướng dẫn của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương, tỉnh

Phụ lục III

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Công văn số 1456/UBND-KTTC ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chỉ tiêu	Giai đoạn 2011-2015	Giai đoạn 2016 - 2020			Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025
			Tổng cộng	Giai đoạn 2016 - 2019	Kế hoạch năm 2020	
	TỔNG SỐ					
I	**NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**					
1	Trái phiếu Chính phủ					
2	Đầu tư phát triển					
3	Sự nghiệp					
II	**NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**					
1	Tỉnh					
2	Huyện					
3	Xã					
III	**VỐN LỒNG GHÉP**					
IV	**VỐN TÍN DỤNG**					
V	**VỐN DOANH NGHIỆP**					
VI	**CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**					
1	Tiền mặt					
2	Ngày công và hiện vật quy đổi					

Ghi chú: Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thành phố tổng hợp, báo cáo

Phụ lục III.2

TỔNG HỢP NGUỒN LỰC ĐÃ HUY ĐỘNG ĐỂ THỰC HIỆN

CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO ĐƠN VỊ

(Kèm theo Công văn số 1156/UBND-KTTC ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	ĐƠN VỊ	Giai đoạn 2011-2015											Giai đoạn 2016-2020											Kế hoạch giai đoạn 2021-2025										
		Tổng số	Vốn trực tiếp cho Chương trình						Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác	Vốn tín dụng	Vốn huy động từ doanh nghiệp	Vốn huy động đóng góp của cộng đồng dân cư	Tổng số	Vốn trực tiếp cho Chương trình						Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác	Vốn tín dụng	Vốn huy động từ doanh nghiệp	Vốn huy động đóng góp của cộng đồng dân cư	Tổng số	Vốn trực tiếp cho Chương trình						Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác	Vốn tín dụng	Vốn huy động từ doanh nghiệp	Vốn huy động đóng góp của cộng đồng dân cư
			NSTW	TPCP	Ngân sách tỉnh	Trong đó vay theo Khoản 3, Điều 8 Luật NSNN	Ngân sách huyện	Ngân sách xã						NSTW	TPCP	Ngân sách tỉnh	Trong đó vay theo Khoản 3, Điều 8 Luật NSNN	Ngân sách huyện	Ngân sách xã					NSTW	TPCP	Ngân sách tỉnh	Trong đó vay theo Khoản 3, Điều 8 Luật NSNN	Ngân sách huyện	Ngân sách xã				
A	B	1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32
	TỔNG CỘNG																																	
1	Sở, ban, ngành																																	
2	Thành phố Tây Ninh																																	
3	Tân Biên																																	
4	Tân châu																																	
5	Dương Minh Châu																																	
6	Châu thành																																	
7	Hòa Thành																																	
8	Gò Dầu																																	
9	Bến cầu																																	
10	Trảng Bàng																																	

Ghi chú: Các Sở, ngành, tổ chức chính trị-xã hội, UBND các huyện, thành phố tổng hợp, báo cáo

Phụ lục III.3

TỔNG HỢP NGUỒN LỰC ĐÃ HUY ĐỘNG ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI

GIAI ĐOẠN 2016-2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN/THÀNH PHỐ:....

(Kèm theo Công văn số 1464/UBND-KTTC ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	ĐƠN VỊ	Giai đoạn 2011-2015										Giai đoạn 2016-2020											Kế hoạch giai đoạn 2021-2025										
		Tổng số	Vốn trực tiếp cho Chương trình					Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác	Vốn tín dụng	Vốn huy động từ doanh nghiệp	Vốn huy động đóng góp của cộng đồng dân cư	Tổng số	Vốn trực tiếp cho Chương trình						Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác	Vốn tín dụng	Vốn huy động từ doanh nghiệp	Vốn huy động đóng góp của cộng đồng dân cư	Tổng số	Vốn trực tiếp cho Chương trình						Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác	Vốn tín dụng	Vốn huy động từ doanh nghiệp	Vốn huy động đóng góp của cộng đồng dân cư
			NSTW	TPCP	Ngân sách tỉnh	Trong đó vay theo Khoản 3, Điều 8 Luật NSNN	Ngân sách huyện	Ngân sách xã					NSTW	TPCP	Ngân sách tỉnh	Trong đó vay theo Khoản 3, Điều 8 Luật NSNN	Ngân sách huyện	Ngân sách xã					NSTW	TPCP	Ngân sách tỉnh	Trong đó vay theo Khoản 3, Điều 8 Luật NSNN	Ngân sách huyện	Ngân sách xã				
A	B	1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32
	TỔNG CỘNG																																
1	Xã...																																
2	Xã...																																
3	Xã...																																
4	...																																

Ghi chú: UBND các huyện, thành phố tổng hợp, báo cáo

Phụ lục III.4

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THEO NỘI DUNG THỰC HIỆN

(Kèm theo Công văn số 1456/UBND-KTTH ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung đầu tư	Kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015												Kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2020												Kế hoạch giai đoạn2021-2025											
		Khối lượng thực hiện		Tổng cộng	Trong đó:									Khối lượng thực hiện		Tổng cộng	Trong đó:									Khối lượng thực hiện		Tổng cộng	Trong đó:								
					Vốn ngân sách						Vốn tín dụng	Vốn doanh nghiệp và các thành phần kinh tế	Vốn cộng đồng dân cư				Vốn ngân sách						Vốn tín dụng	Vốn doanh nghiệp và các thành phần kinh tế	Vốn cộng đồng dân cư				Vốn ngân sách						Vốn tín dụng	Vốn doanh nghiệp và các thành phần kinh tế	Vốn cộng đồng dân cư
		ĐVT	Số lượng		NSTW		NSĐP		TPCP	Vốn lồng ghép				ĐVT	Số lượng		NSTW		NSĐP		TPCP	Vốn lồng ghép				ĐVT	Số lượng		NSTW		NSĐP		TPCP	Vốn lồng ghép			
					ĐTPT	SN	ĐTPT	SN									ĐTPT	SN	ĐTPT	SN									ĐTPT	SN	ĐTPT	SN					
1	Nâng cao năng lực xây dựng NTM																																			
2	Truyền thông về xây dựng NTM																																			
3	Giám sát, đánh giá																																			
4	Quy hoạch xây dựng NTM																																			
5	Phát triển hạ tầng - kinh tế xã hội																																			
5.1	*Giao thông*																																			
5.2	*Thủy lợi*																																			
5.3	*Điện nông thôn*																																			
5.4	*Trường học*																																			
5.5	*CSVC Văn hóa*																																			
5.6	*Cơ sở hạ tầng thương mại*																																			
5.7	*Trạm y tế xã*																																			
5.8	*Công trình cung cấp nước sinh hoạt*																																			
5.9	*Công trình xử lý môi trường*																																			
5.10	*Công trình khác*																																			
6	Thông tin và truyền thông cơ sở																																			
7	Phát triển SX theo chuỗi liên kết																																			
8	Đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp																																			
9	Hỗ trợ phát triển HTX																																			
10	Phát triển ngành nghề nông thôn																																			
11	Đào tạo nghề phi nông nghiệp																																			
12	Đào tạo nghề nông nghiệp																																			
13	Phát triển giáo dục ở nông thôn																																			
14	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn																																			
15	Vệ sinh môi trường nông thôn																																			
16	Khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề																																			
17	Đào tạo cho cán bộ xã																																			
18	Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn																																			
19	Duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã																																			
20	Nội dung khác (nếu có)																																			

Ghi chú: Các Sở, ngành, tổ chức chính trị-xã hội, UBND các huyện, thành phố tổng hợp, báo cáo

Phụ lục IV.1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Công văn số 1156 /UBND-KTTC ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh)

TT	MỤC TIÊU	ĐVT	Năm 2010	Thực hiện năm 2015	Ước thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Mục tiêu đến năm 2025
1	**Mức đạt tiêu chí bình quân/xã**						
2	**Mức đạt tiêu chí bình quân/xã nghèo, đặc biệt khó khăn**						
3	**Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã**						
	Số xã đạt 19 tiêu chí đã có QĐ công nhận						
	Số xã đạt 18 tiêu chí						
	Số xã đạt 17 tiêu chí						
	.....						
	Số xã đạt 01 tiêu chí						
4	**Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí**						
	Số xã đạt tiêu chí số 1 về quy hoạch						
	Số xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông						
	...						
	Số xã đạt tiêu chí số 19						

Ghi chú:

Các Sở, ngành phụ trách tiêu chí, UBND các huyện, thành phố báo cáo; Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp

Phụ lục IV.2

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHI TIẾT TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Công văn số 1456/UBND-KTTC ngày 01/6/2019 của UBND tỉnh)

TT	Huyện, Xã	Thực trạng năm 2010 (tổng số tiêu chí)	Thực hiện năm 2015 (tổng số tiêu chí)	Tiêu chí (ước năm 2019)																			KH năm 2020	KH đến năm 2025
				Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	CSHT thương mại nông thôn	Thông tin và Truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục	Y tế	Văn hóa	Môi trường và an toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Tổng số tiêu chí ước năn 2019		
A	B			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	21	
	Thành phố Tây Ninh																							
1	Xã...																							
2	Xã...																							
	Huyện Tân Biên																							
1	Xã...																							
2	Xã...																							
	Huyện Tân Châu																							
1	Xã...																							
2	Xã...																							
	Huyện Dương Minh Châu																							
1	Xã...																							
2	Xã...																							
	Huyện Châu Thành																							
1	Xã...																							
2	Xã...																							
	Huyện Hòa Thành																							
1	Xã...																							
2	Xã...																							
	Huyện Gò Dầu																							
1	Xã...																							
2	Xã...																							
	Huyện Bến Cầu																							
1	Xã...																							
2	Xã...																							
	Huyện Trảng Bàng																							
1	Xã...																							
2	Xã..																							
	Tổng																							

Ghi chú:

- Các Sở, ngành phụ trách tiêu chí, UBND các huyện, thành phố báo cáo; Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp

- Đánh dấu X vào tiêu chí đạt (ước năm 2019)

Phụ lục V.1

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ-XÃ HỘI TRONG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Công văn số 1156/UBND-KTTH ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2010	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2018	Ước thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Dự kiến đến năm 2025
1	Tổng số xã	*Xã*						
2	Tổng số ấp	*Ấp*						
3	Tổng số hộ nông thôn	*Hộ*						
4	Tổng số nhân khẩu nông thôn	*Người*						
5	Thu nhập bình quân đầu người							
	- Cả tỉnh	*Triệu đồng*						
	- Thành thị	*Triệu đồng*						
	- Nông thôn	*Triệu đồng*						
6	Tỷ lệ hộ nghèo *(Ghi chú:* *- 31/12/2010 tính theo chuẩn nghèo cũ,* *- 31/12/2015 thay bằng kết quả 31/12/2016 theo chuẩn nghèo đa chiều,* *- 31/12/2018 theo chuẩn nghèo đa*			*31/12/2016*				
	- Cả tỉnh	%						
	- Thành thị	%						
	- Nông thôn	%						
7	Tổng số hợp tác xã	*HTX*	*Năm 2012*					
	Trong đó: Tổng số hợp tác xã nông nghiệp	*HTX*	*Năm 2012*					
8	Tổng số tổ hợp tác	*THT*	*Năm 2012*					
	Trong đó: Tổng số hợp tác xã nông nghiệp	*THT*	*Năm 2012*					
9	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%						
10	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%						
11	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia	%						

Ghi chú:

Sở Nội vụ báo cáo nội dung 1,2; Cục thống kê tỉnh báo cáo nội dung 3, 4, 5; Sở Lao động-Thương binh và Xã hội báo cáo nội dung 6, 9; Liên minh HTX tỉnh báo cáo nội dung 7, 8; Sở Y tế báo cáo nội dung 10; Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo nội dung 11

Phụ lục V.2

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ-XÃ HỘI TRONG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN/THÀNH PHỐ

(Kèm theo Công văn số 1176 /UBND-KTTC ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh)

TT	Đơn vị	Tổng số ấp	Tổng số hộ	Tổng số nhân khẩu	Thu nhập BQ đầu người 31/12/2010	Thu nhập BQ đầu người 31/12/2015	Thu nhập BQ đầu người 31/12/2018	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều 31/12/2016	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều 31/12/2018	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (đến thời điểm báo cáo)	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT (đến thời điểm báo cáo)	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia (đến thời điểm báo cáo)
		(ấp)	*(hộ)*	*(Người)*	*(Triệu đồng)*	*(Triệu đồng)*	*(Triệu đồng)*	*(%)*	*(%)*	*(%)*	*(%)*	*(%)*
	Toàn huyện											
1	Xã…											
2	Xã…											
3	Xã…											
4	…											

Ghi chú: *UBND các huyện, thành phố báo cáo*